

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÂN KHÁNH AN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 42/NQ-ĐHĐCĐ

Nghệ An, ngày 22 tháng 04 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An;

Căn cứ Quy chế tổ chức đại hội thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An ngày 22/04/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 với các chỉ tiêu sau:

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	TH năm 2022	So sánh (%)	
					KH năm 2022	TH năm 2021
I	Sản lượng tiêu thụ bao bì	Tr. bao	33.320	36.912	110,79	105,88
	- Vỏ bao xi măng	Tr. bao	13.280	16.084	121,11	120,28
	- Vỏ bao nông sản + bao PE	Tr. bao	20.036	20.828	103,95	96,92
II	Doanh thu thuần	Tr. đồng	161.110	187.806	116,57	110,31
1	Doanh thu tiêu thụ bao bì	Tr. đồng	149.510	176.876	118,30	111,07
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	12.600	12.750	101,19	102,00
1	Lợi nhuận bao bì, khác	Tr. đồng	10.500	10.782	102,69	104,64
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	10.080	10.199	101,18	94,88
V	Hiệu quả chưa lương (DT-CP chưa lương)	Tr. đồng	38.217	38.710	101,29	101,47
VI	Lao động bình quân (Không tính quản lý)	Người	260	260	100,00	100,00
VII	Các chỉ tiêu TN BQ CBCNV					

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	TH năm 2022	So sánh (%)	
					KH năm 2022	TH năm 2021
1	-TN BQ QL Chuyên trách từ TKA người/tháng	1.000 đồng	35.000	35.833	102,00	94,51
2	-TN BQ QL Không Chuyên trách từ TKA người/tháng	1.000 đồng	2.000	2.000	100,00	145,45
3	TN BQ từ TKA người / tháng	1.000 đồng	7.776	7.876	101,00	101,46

b. Kết quả thực hiện đầu tư năm 2022.

TT	Tên công trình/ dự án	Thực hiện (VNĐ)
1	Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	3.877.340.309
2	Trạm biến áp 400KVA-22/0,4KV	692.624.999
3	Máy cắt Laser CO2 KCZ 1390	103.000.000
	Tổng cộng	4.672.965.308

Điều 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023.

a. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH năm 2023	So sánh KH2023/ TH2022 (%)
I	Sản lượng tiêu thụ bao bì	tr. bao	36.912	34.600	93,74
1	Vỏ bao xi măng	tr. bao	16.084	15.400	95,75
2	Vỏ bao nông sản + bao PE	tr. bao	20.828	19.200	92,18
II	Doanh thu thuần	Tr. đ	187.806	175.000	93,18
	Tr.đó bao bì	Tr. đ	176.876	163.900	92,66
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	12.750	12.300	96,47
	Tr.đó: Lợi nhuận bao bì	Tr. đ	10.782	10.500	97,38
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	10.199	9.800	96,09
V	Hiệu quả chưa lương	Tr. đ	38.710	37.291	96,33
VI	Lao động bình quân (chưa gồm lao động quản lý)	Người	260	260	100

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH năm 2023	So sánh KH2023/TH2022 (%)
VII	Các chỉ tiêu TN BQ CBCNV				
1	TN BQ QL Chuyên trách từ TKA người/tháng	Tr. đ	35.833	33.778	94,00
2	TN BQ QL Không Chuyên trách từ TKA người/tháng	Tr. đ	2.000	2.000	100,00
3	TN BQ từ Quỹ lương TKA người LĐ/ tháng	Tr. đ	7.876	7.589	96,00

b. Kế hoạch đầu tư năm 2023.

Dự kiến đầu tư năm 2023, như sau:

- + Cải tạo Nhà xưởng sản xuất thuốc lá và nhà kho cho thuê
- + Xe nâng hàng Mitsubishi.

Căn cứ tình hình chung của thị trường, và các điều kiện thuận lợi để khảo sát giá cả xây dựng, mua sắm và triển khai phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty.

Điều 3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 5 năm (2023-2028) của Hội đồng quản trị

a. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 5 năm (2023 - 2028)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Tốc độ tăng bình quân
I	Vốn chủ sở hữu dự kiến	Tỷ đồng	54,0	55,0	56,0	57,0	58,0	1,9
II	Sản lượng tiêu thụ	Tr bao	34,6	35,6	36,7	37,8	38,9	3,1
1	Vỏ bao xi măng	Tr bao	15,4	15,9	16,3	16,8	17,3	3,1
2	Vỏ bao nông sản	Tr bao	19,2	19,8	20,4	21,0	21,6	3,1
III	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	175,0	180,3	182,8	186,5	190,2	2,2
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,3	12,5	12,8	13,1	13,3	2,1
V	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,8	10,0	10,2	10,4	10,7	2,2
VI	Tỷ suất LN sau thuế/ doanh thu	%	5,6	5,6	5,6	5,6	5,6	
VII	Lao động bình	Người	260,0	255	255	255	255	-0,5

	quân							
VIII	TNBQ/lao động năm	Tr. đồng	91,0	92,9	94,9	96,9	98,9	2,2
IX	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	8-10	8-10	8-10	8-10	8-10	

b. Thông qua kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản 2023 – 2028.

- Mở rộng thêm 400 m² nhà kho
- Cải tạo Nhà xưởng sản xuất thuốc lá và nhà kho cho thuê
- Xe nâng hàng Mitsubishi.
- Đầu tư 01 máy tiện 1m63 có băng dài 3,6 mét phục vụ công tác bảo trì bảo dưỡng
- Đầu tư 8 máy dệt Lohia Nova 6 thế hệ mới thay thế 7 máy Nova cũ 4 thoi
- 01 máy in cuộn và giàn máy cắt may tự động bao PP nông sản
- Đầu tư thêm 01 xe tải có tải trọng 3,5 – 5 tấn
- Đầu tư thêm một xe ô tô con mới 7 chỗ
- Nâng cấp đường giao thông nội bộ và hệ thống mương thoát nước xung quanh các nhà xưởng
- Xây dựng thêm một nhà hội trường 2 tầng 150m (Tầng 1 làm kho, tầng 2 làm hội trường phục vụ sinh hoạt chung)

Điều 4. Thông qua đề xuất mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022, phương án thù lao của HĐQT, BKS năm 2023, như sau:

a. Năm 2022

- Thành viên Hội đồng quản trị:

$$01 \text{ người} \times 3.000.000 \text{ đồng/ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 36.000.000 \text{ đồng}$$

- Thành viên Ban kiểm soát:

- + Trưởng Ban kiểm soát:

$$01 \text{ người} \times 2.000.000 \text{ đồng / tháng} \times 12 \text{ tháng} = 24.000.000 \text{ đồng}$$

- + Thành viên Ban kiểm soát

$$02 \text{ người} \times 1.500.000 \text{ đồng / tháng} \times 12 \text{ tháng} = 36.000.000 \text{ đồng}$$

b. Năm 2023.

- Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/ tháng
- Trưởng BKS : 2.000.000 đồng/ tháng
- Thành viên BKS : 1.500.000 đồng/ tháng

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến năm 2023, như sau:

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

1	Lợi nhuận sau thuế chưa PP các năm trước	2.024.446.346
2	Lợi nhuận sau thuế chưa PP năm 2022	10.198.637.857
3	Lợi nhuận chưa phân phối	12.223.084.203
4	Trích lập các quỹ, trong đó	
-	Quỹ đầu tư, phát triển (30%)	3.059.591.357
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2,9 Tháng lương)	5.962.242.846
-	Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương QL Chuyên trách)	161.250.000
5	Chia cổ tức 8%/ VDL	3.040.000.000
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	0

b. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023.

1. Cổ tức dự kiến: 8 - 10% vốn điều lệ.

2. Trích lập các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển dự kiến: 10 - 15%

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

Điều 6. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ tới. (Có báo cáo kèm theo)

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An nhiệm kỳ 2023 - 2028:

Danh sách trúng cử Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
01	Hà Quang Minh	Chủ tịch
02	Phạm Thanh Hà	Thành viên
03	Trần Anh Giang	Thành viên

Danh sách trúng cử Ban Kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
01	Bùi Việt Đức	Trưởng ban
02	Nguyễn Thị Hồng	Thành viên
03	Nguyễn Quang Long	Thành viên

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBCKNN;
- Lưu VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Hà Quang Minh

Nghệ An, ngày 22 tháng 04 năm 2023

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN**

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐẠI HỘI

- Thời gian: vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 04 năm 2023
- Địa điểm: Hội trường Khách sạn Hữu Nghị số 74 Đường Lê Lợi, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Các cổ đông, người được ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An theo danh sách người sở hữu chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày 15/03/2023.

- Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được mời: 277 cổ đông
- Số cổ đông có mặt và được ủy quyền: 30 cổ đông.
- Tổng cộng 30 cổ đông có mặt và được ủy quyền tương đương 3.290.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 86,60 % tổng số cổ phần của Công ty.

III. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI:

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tiến hành Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

- Đại hội đã biểu quyết 100% nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch để điều khiển Đại hội gồm các thành viên sau:

1. Ông: Hà Quang Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
2. Ông: Phạm Thanh Hà - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.
3. Ông: Trần Anh Giang - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty.

Đại hội đã biểu quyết 100 % nhất trí thông qua Ban thư ký để ghi lại nội dung và diễn biến của Đại hội, gồm:

1. Ông: Nguyễn Quang Long - Trưởng ban
 2. Ông: Lê Anh Tuấn - Ban viên
- Đại hội đã biểu quyết 100% nhất trí thông qua Ban kiểm phiếu biểu quyết và Bầu cử để tổng hợp và báo cáo về tình hình biểu quyết và bầu cử gồm các thành viên sau:

1. Ông Nguyễn Quang Long - Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Văn Hoàng - Phó Ban.
3. Ông Lê Anh Tuấn - Ban viên.

Đại hội đã thống nhất biểu quyết 100% thông qua Chương trình Đại hội và biểu quyết 100% thông qua Quy chế làm việc của Đại hội do Đoàn chủ tịch trình bày.

IV. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

A. Đại hội đã nghe các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình HĐKD năm 2022 - Kế hoạch kinh doanh năm 2023.
2. Báo cáo của HĐQT về tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2018 -2023 và phương hướng nhiệm kỳ tới
2. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 (đã được kiểm toán).
3. Về việc thông qua các chỉ tiêu kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD 5 năm (2023 - 2028)
4. Thông qua đề xuất mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2022. Phương án thù lao của HĐQT, BKS năm 2023.
5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 - dự kiến 2023
6. Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023.
7. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.
8. Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028

B. Sau khi thảo luận và đóng góp ý kiến, Đại hội cổ đông đã biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.290.800 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 với các chỉ tiêu sau:

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	TH năm 2022	So sánh (%)	
					KH năm 2022	TH năm 2021
I	Sản lượng tiêu thụ bao bì	Tr. bao	33.320	36.912	110,79	105,88
	- Vỏ bao xi măng	Tr. bao	13.280	16.084	121,11	120,28
	- Vỏ bao nông sản + bao PE	Tr. bao	20.036	20.828	103,95	96,92
II	Doanh thu thuần	Tr. đồng	161.110	187.806	116,57	110,31
1	Doanh thu tiêu thụ bao bì	Tr. đồng	149.510	176.876	118,30	111,07
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	12.600	12.750	101,19	102,00
1	Lợi nhuận bao bì, khác	Tr. đồng	10.500	10.782	102,69	104,64
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	10.080	10.199	101,18	94,88

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	TH năm 2022	So sánh (%)	
					KH năm 2022	TH năm 2021
V	Hiệu quả chưa lương (DT-CP chưa lương)	Tr. đồng	38.217	38.710	101,29	101,47
VI	Lao động bình quân (Không tính quản lý)	Người	260	260	100,00	100,00
VII	Các chỉ tiêu TN BQ CBCNV					
1	-TN BQ QL Chuyên trách từ TKA người/tháng	1.000 đồng	35.000	35.833	102,00	94,51
2	-TN BQ QL Không Chuyên trách từ TKA người/tháng	1.000 đồng	2.000	2.000	100,00	145,45
3	TN BQ từ TKA người / tháng	1.000 đồng	7.776	7.876	101,00	101,46

b. Kết quả thực hiện đầu tư năm 2022.

TT	Tên công trình/ dự án	Thực hiện (VNĐ)
1	Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	3.877.340.309
	Trạm biến áp 400KVA-22/0,4KV	692.624.999
	Máy cắt Laser C02 KCZ 1390	103.000.000
	Tổng cộng	4.672.965.308

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.290.800 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023.

a. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH năm 2023	So sánh KH2023/ TH2022 (%)	Ghi chú
I	Sản lượng tiêu thụ bao bì	tr. bao	36.912	34.600	93,74	
1	Vỏ bao xi măng	tr. bao	16.084	15.400	95,75	
2	Vỏ bao nông sản + bao PE	tr. bao	20.828	19.200	92,18	
II	Doanh thu thuần	Tr. đ	187.806	175.000	93,18	
	Tr.đó bao bì	Tr. đ	176.876	163.900	92,66	
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	12.750	12.300	96,47	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH năm 2023	So sánh KH2023/TH2022 (%)	Ghi chú
	Tr.đó: Lợi nhuận bao bì	Tr. đ	10.782	10.500	97,38	
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	10.199	9.800	96,09	
V	Hiệu quả chưa lương	Tr. đ	38.710	37.291	96,33	
VI	Lao động bình quân (chưa gồm lao động quản lý)	Người	260	260	100	
VII	Các chỉ tiêu TN BQ CBCNV					
1	TN BQ QL Chuyên trách từ TKA người/tháng	Tr. đ	35.833	33.778	94,00	
2	TN BQ QL Không Chuyên trách từ TKA người/tháng	Tr. đ	2.000	2.000	100,00	
3	TN BQ từ Quỹ lương TKA người LĐ/ tháng	Tr. đ	7.876	7.589	96,00	

b. Kế hoạch đầu tư năm 2023.

Dự kiến đầu tư năm 2023, như sau:

- + Cải tạo Nhà xưởng sản xuất thuốc lá và nhà kho cho thuê
- + Xe nâng hàng Mitsubishi.

Căn cứ tình hình chung của thị trường, và các điều kiện thuận lợi để khảo sát giá cả xây dựng, mua sắm và triển khai phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty.

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.290.800 CP- đạt tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

4. Kế hoạch SXKD 5 năm (2023-2028) trình Đại hội cổ đông phê duyệt

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch theo Nghị quyết các đại hội đồng thường niên đã đề ra.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện			
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Vốn điều lệ	Tỷđồng	38,00	38,00	38,00	38,00
Tổng tài sản	Tỷđồng	98,70	86,44	96,78	101,33
Vốn chủ sở hữu (*)	Tỷđồng	48,32	49,58	51,91	53,34
Doanh thu	Tỷđồng	174,73	143,06	170,32	187,83
Lợi nhuận trước thuế	Tỷđồng	12,90	11,80	12,50	12,75
Lợi nhuận sau thuế	Tỷđồng	10,32	10,15	10,75	10,20

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện			
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Lợi nhuận trên cổ phiếu(EPS)	Đồng	1.578	1.654	1.722	1.879
Lợi nhuận sau thuế /Doanh số thuần	%	5,91	7,09	6,31	5,43
Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	23,90	20,72	21,18	19,38
Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	10,54	10,96	11,73	10,30
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,33	8,25	7,32	6,78
Cổ tức	%	12	12	12	8

b. Về đầu tư, xây dựng cơ bản.

Năm	Hạng mục	Giá trị	Ghi chú
2019	Máy dệt tròn 06 thoi	2.965.000.000	
	Máy in cuộn Flexo 9 màu/2 mặt	1.600.000.000	
	Đầu tư khác (Hệ thống camera, máy lạnh thuốc lá, máy photocopy)	130.000.000	
2020	Cải tạo nền nhà xưởng, nhà vệ sinh công cộng và sửa chữa khác	342.649.495	
2021	Máy nén khí trục vít ngâm dầu hiệu Hitachi	296.700.000	
2022	Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	3.877.340.309	
	Trạm biến áp 400KVA-22/0,4KV	692.624.999	
	Máy cắt Laser C02 KCZ 1390	103.000.000	
Tổng cộng		10.007.314.803	

c. Kế hoạch kế hoạch SXKD 5 năm (2023-2028)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Tốc độ tăng bình quân
I	Vốn chủ sở hữu dự kiến	Tỷ đồng	54,0	55,0	56,0	57,0	58,0	1,9
II	Sản lượng tiêu thụ	Tr bao	34,6	35,6	36,7	37,8	38,9	3,1
1	Vỏ bao xi măng	Tr bao	15,4	15,9	16,3	16,8	17,3	3,1
2	Vỏ bao nông sản	Tr bao	19,2	19,8	20,4	21,0	21,6	3,1

III	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	175,0	180,3	182,8	186,5	190,2	2,2
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,3	12,5	12,8	13,1	13,3	2,1
V	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,8	10,0	10,2	10,4	10,7	2,2
VI	Tỷ suất LN sau thuế/ doanh thu	%	5,6	5,6	5,6	5,6	5,6	
VII	Lao động bình quân	Người	260,0	255	255	255	255	-0,5
VIII	TNBQ/lao động năm	Tr. đồng	91,0	92,9	94,9	96,9	98,9	2,2
IX	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	8-10	8-10	8-10	8-10	8-10	

b. Kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản 2023 – 2028.

- Mở rộng thêm 400 m² nhà kho
- Cải tạo Nhà xưởng sản xuất thuốc lá và nhà kho cho thuê
- Xe nâng hàng Mitsubishi.
- Đầu tư 01 máy tiện 1m63 có băng dài 3,6 mét phục vụ công tác bảo trì bảo dưỡng
- Đầu tư 8 máy dệt Lohia Nova 6 thế hệ mới thay thế 7 máy Nova cũ 4 thoi
- 01 máy in cuộn và giàn máy cắt may tự động bao PP nông sản
- Đầu tư thêm 01 xe tải có tải trọng 3,5 – 5 tấn
- Đầu tư thêm một xe ô tô con mới 7 chỗ
- Nâng cấp đường giao thông nội bộ và hệ thống mương thoát nước xung quanh các nhà xưởng
- Xây dựng thêm một nhà hội trường 2 tầng 150m (Tầng 1 làm kho, tầng 2 làm hội trường phục vụ sinh hoạt chung)

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.290.800 CP- đạt tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

5. Thông qua đề xuất mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022, phương án thù lao của HĐQT, BKS năm 2023, như sau:

a. Năm 2022

- Thành viên Hội đồng quản trị:
 - 01 người x 3.000.000 đồng/ tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng
- Thành viên Ban kiểm soát:
 - + Trưởng Ban kiểm soát:
 - 01 người x 2.000.000 đồng / tháng x 12 tháng = 24.000.000 đồng
 - + Thành viên Ban kiểm soát

02 người x 1.500.000 đồng / tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng

b. Năm 2023.

- Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/ tháng
- Trưởng BKS : 2.000.000 đồng/ tháng
- Thành viên BKS : 1.500.000 đồng/ tháng

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.290.800 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến năm 2023, như sau:

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

1	Lợi nhuận sau thuế chưa PP các năm trước	2.024.446.346
2	Lợi nhuận sau thuế chưa PP năm 2022	10.198.637.857
3	Lợi nhuận chưa phân phối	12.223.084.203
4	Trích lập các quỹ, trong đó	
-	Quỹ đầu tư, phát triển (30%)	3.059.591.357
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2,9 Tháng lương)	5.962.242.846
-	Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương QL Chuyên trách)	161.250.000
5	Chia cổ tức 8%/ VDL	3.040.000.000
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	0

b. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023.

1. Cổ tức dự kiến: 8 - 10% vốn điều lệ.
2. Trích lập các quỹ:
 - Quỹ đầu tư phát triển dự kiến: 10 - 15%
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tối đa không qua 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.290.800 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

7. Nhất trí báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ tới. (Có báo cáo kèm theo)

8. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty.

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.290.800 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

9. Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028:

- Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử; Danh sách các ứng viên.
 - Thông qua số lượng thành viên, danh sách đề cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 do Tổng công ty Khánh Việt giới thiệu (cổ đông chiếm 83,86% vốn điều lệ);

- Đại hội đã tiến hành bầu cử theo đúng quy chế, thể lệ bầu cử.

- Kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

+ Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị trúng cử gồm có:

1. Hà Quang Minh

2. Phạm Thanh Hà

3. Trần Anh Giang

+ Danh sách thành viên Ban Kiểm soát trúng cử gồm có:

1. Bùi Việt Đức

2. Nguyễn Thị Hồng

3. Nguyễn Quang Long

10. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã họp phiên đầu tiên để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban Kiểm soát, kết quả như sau:

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Hà Quang Minh

Trưởng Ban kiểm soát: Bùi Việt Đức

11. Đại diện Hội đồng quản trị phát biểu trước đại hội

12. Thư ký Đại hội thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.290.800 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông: Trần Anh Giang thay mặt Đoàn chủ tịch phát biểu bế mạc Đại hội.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An đã kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản này đã được đọc toàn văn trước Đại hội, Đoàn Chủ tịch đã xin Đại hội biểu quyết.

Đại hội đã nhất trí biểu quyết 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty: www.tankhanhan.com

BAN THƯ KÝ



Nguyễn Quang Long

ĐOÀN CHỦ TỊCH



Hà Quang Minh